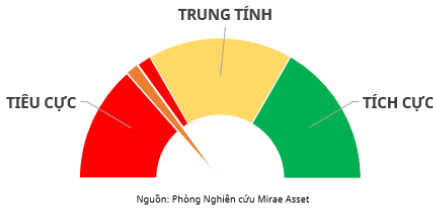


01 Tháng Ba 2022

Thang đo sức mạnh thị trường



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,498.78	0.58	1.34	26.35
HNX	443.56	0.71	6.44	75.76
UPCOM	112.38	0.16	2.45	45.66
MSCI EM	1,171.31	-0.06	-3.52	-14.03
NIKKEI	26,844.72	1.20	-0.86	-9.50
HANG SENG	22,761.71	0.21	-4.37	-22.72
KOSPI	2,699.18	0.84	1.35	-10.41
FTSE	7,471.65	0.18	-0.85	13.40
S&P 500	4,373.94	-0.24	-3.80	12.10
NASDAQ	13,751.40	0.41	-4.14	1.20

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.08	2.64	15.56
SET INDEX	13.03	1.78	9.80
JCI INDEX	23.14	2.28	8.69
PCOMP INDEX	23.67	1.87	8.03

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	1.51	7	61	44
10 năm	2.26	2	17	-7

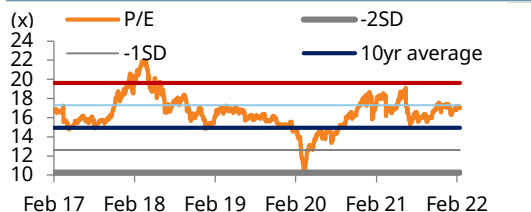
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,814	0.03	-0.66	0.90
US\$/KRW	1,203	-0.06	0.28	-6.58
US\$/JPY	115	0.03	-0.23	-7.14
US\$/EUR	0.89	0.02	0.52	7.43
US\$/GBP	0.75	-0.05	0.76	3.75
US\$/SGD	1.35	0.09	-0.40	-1.91

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	988	955	934
HNX	120	104	132
UPCOM	69	67	71

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



Nhận định thị trường

Quay về mốc 1.500 điểm

Sau phiên giảm nhẹ hôm qua, VN-Index phục hồi nhẹ và một lần nữa chạm mốc 1.500 điểm trong phiên. Xuyên suốt phiên, VN-Index chỉ giao dịch trong vùng xanh, dấu cho có đôi lúc giằng co nhưng nhìn chung là phiên phục hồi tốt, và áp sát ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-index đóng cửa tại 1.498 điểm, tăng 8,7 điểm, tương ứng 0,6%, so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản tiếp tục được duy trì ổn định với giá trị 3 sàn lần lượt là HOSE: 26.312 tỷ đồng, HNX: 3.609 tỷ đồng, UPCOM: 1.534 tỷ đồng.

Phiên phục hồi nhẹ chứng kiến sự thăng hoa của nhóm Bất động sản với CEO (+9,4%), HQC, HDC (+6,9%) hay SCR (+5,2%), LDG (+6,3%), NLG (+4,2%). Nhóm Phân bón điều chỉnh sau phiên tăng trần hôm qua. Trong khi đó Ngân hàng, Thép và Bán lẻ phân hóa trong phiên hôm nay với tăng/giảm đan xen.

Khối ngoại hôm nay mua ròng nhẹ không đáng kể với giá trị gần 130 tỷ đồng. Chứng chỉ quỹ FUEVFNND được mua ròng mạnh nhất với 372 tỷ đồng, chiều ngược lại HPG tiếp tục bị bán ròng mạnh nhất với 278 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm nhẹ vẫn chưa giúp cải thiện điểm số kỹ thuật cho VN-Index. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae được giữ ở mức -4, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 17,1x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (01/03/2022)	Kháng cự 1	1.520
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.580
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.480
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.430

Mốc 1.500 điểm tiếp tục là ngưỡng tâm lý quan trọng, khi VN-Index giao động quanh mốc này trong suốt tháng 2.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

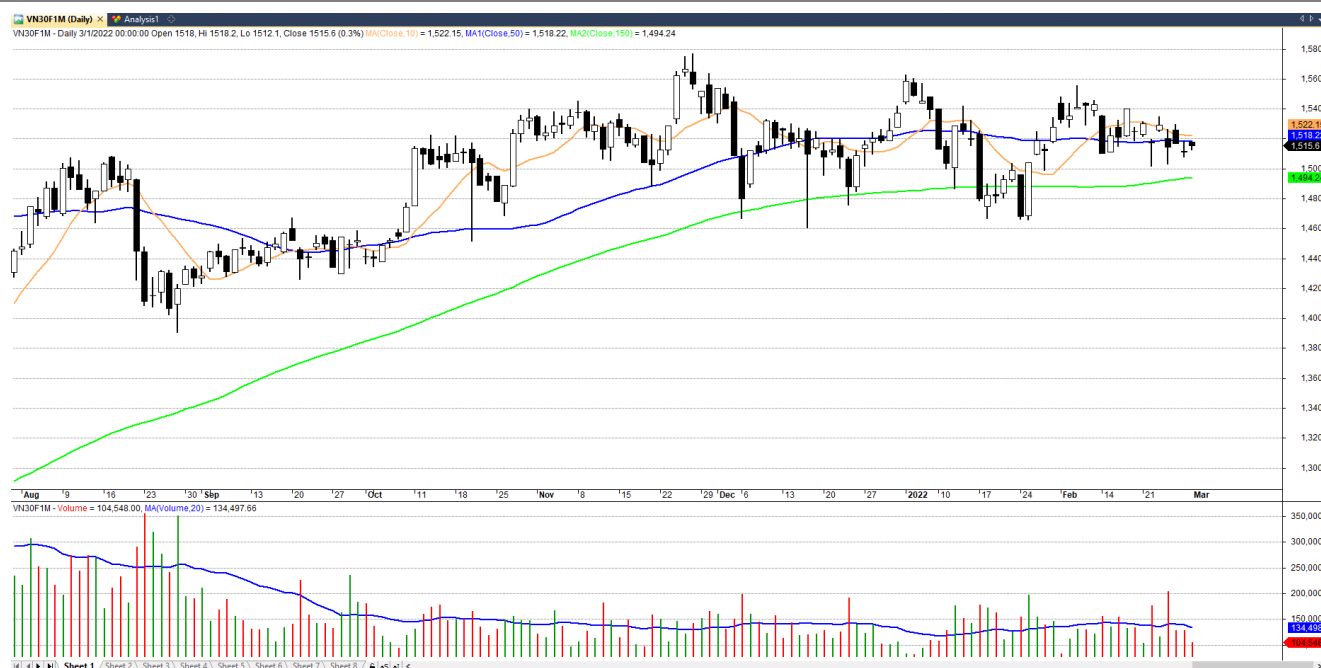
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (28/02/2022)	1.515	Kháng cự 1	1.550
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.580
VN30 - đóng cửa	1.520	Hỗ trợ 1	1.520
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-4,5	Hỗ trợ 2	1.480

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-6	TIÊU CỰC

VN30F1M chỉ giao dịch trong vùng giá xanh kèm theo spread trong ngày ở mức rất hẹp, chỉ hơn 6 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PET	Bán lẻ	55,000	994,200	95	4	
HDC	Bất động sản	94,000	625,800	80	7	
PVS	Dầu khí	35,000	11,145,77	88	5	
GIL	Dệt may	83,500	496,570	82	6	Top sức mạnh ngành
TNG	Dệt may	34,100	2,184,980	91	4	Top sức mạnh ngành
REE	Điện	74,700	584,610	77	6	
DGC	Hóa chất	163,200	948,815	98	5	Top sức mạnh ngành
CSV	Hóa chất	52,400	703,105	99	4	Top sức mạnh ngành
VPB	Ngân hàng	37,750	17,797,51	97	4	
DPM	Phân bón	56,800	5,934,065	90	4	Top sức mạnh ngành
FMC	Thủy sản	61,500	227,135	84	7	
ANV	Thủy sản	37,400	508,010	88	7	
PVT	Vận tải Thủy	25,000	3,294,535	94	4	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
NKG	45.25	7,796,150	7	KHẢ QUAN	9,928	4.2	1.7	353
HSG	39	8,546,150	7	KHẢ QUAN	19,246	4.5	1.7	333
NLG	56.5	3,629,070	7	KHẢ QUAN	21,636	18.5	2.4	205
SHS	44.5	4,305,655	7	KHẢ QUAN	14,474	9.6	2.4	192
SCR	22.4	7,924,675	7	KHẢ QUAN	8,206	43.9	1.7	178
VCI	63.5	2,467,910	7	KHẢ QUAN	21,146	14.1	3.2	157
IDC	74.4	1,952,115	7	KHẢ QUAN	22,320	49.3	5.7	145
TSC	21.1	3,796,475	7	KHẢ QUAN	3,115	27.1	1.8	80
HDG	70.6	1,118,235	7	KHẢ QUAN	14,391	12.5	3.2	79
DGW	127	515,230	7	KHẢ QUAN	11,227	16.9	6.3	65
HDC	94	625,800	7	KHẢ QUAN	8,128	25.6	5.6	59
TCM	70.4	828,050	7	KHẢ QUAN	5,017	41.4	3.0	58
GVR	35.7	1,600,510	7	KHẢ QUAN	142,800	33.6	3.0	57
DIG	92	6,284,400	6	KHẢ QUAN	45,990	45.6	6.2	578
GEX	41.1	13,938,265	6	KHẢ QUAN	34,996	28.8	2.9	573
CEO	71.8	6,647,110	6	KHẢ QUAN	18,477	198.4	6.2	477
SSI	46	8,315,200	6	KHẢ QUAN	45,667	16.6	3.2	382
FLC	12.9	24,279,024	6	KHẢ QUAN	9,159	112.6	1.0	313
HBC	27.7	7,213,845	6	KHẢ QUAN	6,805	68.2	1.8	200
FCN	24.9	4,390,655	6	KHẢ QUAN	3,920	29.6	1.5	109
VPI	65	1,574,815	6	KHẢ QUAN	14,300	40.2	4.4	102
FPT	93.4	967,920	6	KHẢ QUAN	84,765	21.5	4.7	90
KSB	45.45	1,675,055	6	KHẢ QUAN	3,468	15.4	1.9	76
PAN	32.7	2,020,995	6	KHẢ QUAN	6,831	23.1	1.7	66

FIT	14.3	4,259,960	6	KHẢ QUAN	3,757	23.1	1.1	61
PVS	35	11,145,775	5	KHẢ QUAN	16,729	27.8	1.4	390
TPB	42.8	7,617,630	5	KHẢ QUAN	67,699	13.0	2.6	326
LDG	21.25	9,904,250	5	KHẢ QUAN	5,088	38.1	1.6	210
DGC	163.2	948,815	5	KHẢ QUAN	27,920	12.4	4.6	155
BVH	59.8	947,040	5	KHẢ QUAN	44,391	23.9	2.1	57
HPG	46.9	19,086,944	4	KHẢ QUAN	209,780	6.1	2.3	895
VPB	37.75	17,797,516	4	KHẢ QUAN	167,817	14.2	2.1	672
DXG	43.2	10,018,230	4	KHẢ QUAN	25,748	22.3	2.9	433
CII	33.4	11,616,875	4	KHẢ QUAN	8,100	#N/A N/A	1.6	388
VND	78.5	4,798,875	4	KHẢ QUAN	34,143	12.6	3.5	377
DPM	56.8	5,934,065	4	KHẢ QUAN	22,228	7.2	2.1	337
PVD	34.9	8,727,165	4	KHẢ QUAN	14,697	939.1	1.1	305
DCM	36.9	5,235,720	4	KHẢ QUAN	19,535	11.1	2.6	193
FRT	124	1,358,025	4	KHẢ QUAN	9,794	22.1	5.9	168
ROS	8.36	17,510,110	4	KHẢ QUAN	4,745	50.0	0.8	146
HCM	37.9	3,182,800	4	KHẢ QUAN	17,328	13.5	2.4	121
HAH	82	1,430,595	4	KHẢ QUAN	4,000	9.3	2.6	117
NBB	34.05	2,865,680	4	KHẢ QUAN	3,410	10.6	1.8	98
VIX	22.65	4,019,875	4	KHẢ QUAN	12,439	9.0	2.2	91
PVT	25	3,294,535	4	KHẢ QUAN	8,091	12.1	1.6	82
SBT	23	3,399,130	4	KHẢ QUAN	14,470	21.0	1.7	78
TTF	14.95	5,195,315	4	KHẢ QUAN	5,884	530.2	10.7	78
TNG	34.1	2,184,980	4	KHẢ QUAN	3,161	12.3	2.2	75
VGT	26.5	2,626,710	4	KHẢ QUAN	13,250	46.5	2.1	70
OIL	20	3,339,775	4	KHẢ QUAN	20,685	#N/A N/A	2.2	67
VHG	9.5	6,183,945	4	KHẢ QUAN	1,425	#N/A N/A	7.5	59
CTD	95.8	597,235	4	KHẢ QUAN	7,076	308.5	0.9	57
BSR	27.9	14,277,990	2	TRUNG TÍNH	86,504	#N/A N/A	2.8	398
VCG	44.4	4,915,340	2	TRUNG TÍNH	19,612	38.4	3.0	218
DBC	78	1,398,870	2	TRUNG TÍNH	8,989	10.8	1.9	109
SZC	81.4	1,274,140	2	TRUNG TÍNH	8,140	27.0	5.6	104
LCG	19.6	4,345,800	2	TRUNG TÍNH	3,379	15.6	1.4	85
HUT	28.5	2,794,470	2	TRUNG TÍNH	9,936	181.8	2.6	80
AAA	18	4,335,315	2	TRUNG TÍNH	5,876	17.9	1.2	78
HQC	7.7	9,796,860	2	TRUNG TÍNH	3,670	881.1	0.8	75
KDH	54.1	1,167,500	2	TRUNG TÍNH	34,783	29.5	3.4	63
MBB	34	19,614,990	0	TRUNG TÍNH	128,463	10.1	2.2	667
KBC	57.5	8,570,540	0	TRUNG TÍNH	32,761	36.1	2.4	493
VIC	79.2	4,561,515	0	TRUNG TÍNH	302,064	#N/A N/A	3.0	361
HAG	10.95	18,504,670	0	TRUNG TÍNH	10,155	55.1	2.2	203
MWG	136	1,159,835	0	TRUNG TÍNH	96,945	19.6	4.8	158
TCH	21.6	6,936,075	0	TRUNG TÍNH	14,433	20.6	1.6	150
MSN	156.5	808,975	0	TRUNG TÍNH	184,754	21.6	5.6	127
BCG	24.35	4,731,410	0	TRUNG TÍNH	10,868	9.9	3.0	115
VIB	47	2,279,975	0	TRUNG TÍNH	72,998	11.6	3.0	107
HNG	9	10,324,905	0	TRUNG TÍNH	9,977	#N/A N/A	1.7	93
VHC	78	1,012,995	0	TRUNG TÍNH	14,192	12.9	2.5	79

DPG	63	898,905	0	TRUNG TÍNH	3,969	11.0	2.9	57
IJC	28.95	1,924,610	0	TRUNG TÍNH	6,285	10.6	1.9	56
PLX	61.3	3,076,430	-2	TRUNG TÍNH	77,887	26.2	3.1	189
ITA	16.15	10,080,915	-2	TRUNG TÍNH	15,154	52.0	1.4	163
VNM	79.2	1,998,230	-2	TRUNG TÍNH	165,524	17.5	5.0	158
GAS	117.7	1,105,295	-2	TRUNG TÍNH	225,272	26.9	4.4	130
GMD	50	2,187,120	-2	TRUNG TÍNH	15,069	27.1	2.4	109
PVX	7.6	10,758,540	-2	TRUNG TÍNH	3,040	#N/A N/A	14.5	82
VGC	53.9	1,136,185	-2	TRUNG TÍNH	24,166	19.7	3.4	61
NVL	75.4	2,647,700	-4	TIÊU CỰC	145,554	39.4	4.2	200
VJC	140.4	919,355	-4	TIÊU CỰC	76,313	62.1	4.5	129
PNJ	105	1,158,500	-4	TIÊU CỰC	23,873	23.1	4.0	122
KDC	54	2,137,950	-4	TIÊU CỰC	13,588	23.1	2.0	115
HHV	23.5	4,323,080	-4	TIÊU CỰC	6,284	#N/A N/A	1.0	102
CTG	33.3	11,023,220	-6	TIÊU CỰC	160,031	11.3	1.7	367
POW	17.45	19,939,070	-6	TIÊU CỰC	40,866	23.0	1.4	348
VHM	78	3,803,445	-6	TIÊU CỰC	339,641	8.6	2.6	297
ACB	33.85	8,520,310	-6	TIÊU CỰC	91,461	9.5	2.0	288
VRE	33.5	7,193,155	-6	TIÊU CỰC	76,123	57.9	2.5	241
VCB	85	1,668,545	-6	TIÊU CỰC	402,264	17.0	3.6	142
HVN	25.4	5,579,160	-6	TIÊU CỰC	56,246	#N/A N/A	23.5	142
BID	44.1	3,076,715	-6	TIÊU CỰC	223,081	21.1	2.7	136
STB	32.65	24,079,656	-7	TIÊU CỰC	61,552	17.5	1.8	786
TCB	50.3	10,258,220	-7	TIÊU CỰC	176,599	9.8	1.9	516
LPB	22.25	15,213,750	-7	TIÊU CỰC	26,780	9.1	1.6	339
PDR	84.5	3,096,440	-7	TIÊU CỰC	41,639	22.7	5.9	262
SHB	21.5	11,487,230	-7	TIÊU CỰC	57,338	10.8	1.6	247
HDB	28.55	6,265,495	-7	TIÊU CỰC	57,449	9.4	2.0	179

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Nổi gót BP, Shell, hàng loạt công ty phương Tây bắt đầu rút khỏi Nga

Các ngân hàng hàng đầu, hãng hàng không, xe hơi đã dừng vận chuyển hàng, chấm dứt quan hệ đối tác và gọi việc Nga mở chiến dịch quân sự ở Ukraine là “không thể chấp nhận được”. Nhiều công ty cho biết họ đang cân nhắc hành động. Cuối ngày 28/2, Warner Bros thông báo không phát hành phim “The Batman” tại thị trường Nga, không lâu sau khi Walt Disney cho biết họ dừng phát hành phim chiếu rạp ở nước này. Trong khi đó, Mastercard chặn nhiều tổ chức tài chính khỏi mạng lưới thanh toán của đơn vị này theo các lệnh trừng phạt Nga. Phương Tây gần đây có hàng loạt động thái đáp trả Nga như đóng cửa không phận với máy bay Nga, loại một số ngân hàng Nga khỏi hệ thống tài chính toàn cầu SWIFT và hạn chế khả năng Moscow sử dụng kho dự trữ ngoại hối 630 tỷ USD. Một số nhà đầu tư có liên quan chính phủ tại Mỹ cũng lên tiếng để thiết lập định hướng cho các doanh nghiệp. “Chúng ta cần gửi đi một phản ứng rõ ràng và dứt khoát rằng California sẽ không ủng hộ Nga”, giám đốc cơ quan tài chính California Fiona Ma nói, ủng hộ các quỹ hưu trí bang này, một số có quy mô lớn nhất Mỹ, thoái vốn tài sản Nga. Shell, BP và Equinor của Na Uy đều tuyên bố sẽ rút đầu tư khỏi Nga, gia tăng áp lực lên các công ty phương Tây khác có tham gia các dự án dầu và khí tại nước này như ExxonMobil và TotalEnergies. Nhiều công ty vẫn đang cân nhắc các lựa chọn như hãng vận tại Maersk thông báo đang theo dõi các lệnh trừng phạt Nga và chuẩn bị để tuân thủ. Một kịch bản sẽ bao gồm đình chỉ đặt tàu chở hàng. Các hãng xe hơi, xe tải lớn dừng xuất khẩu sang Nga như Volvo, GM – hai công ty này chỉ bán khoảng 12.000 xe/năm tại Nga. Ford Motor, với 50% cổ phần tại 3 nhà máy ở Nga, chưa bình luận về kế hoạch của họ ngoài việc cho biết sẽ quản lý ảnh hưởng đến hoạt động của công ty và giữ người lao động an toàn.

PMI của Việt Nam tăng tháng thứ tư liên tiếp

Theo thống kê của IHS Markit, PMI của Việt Nam đạt 54,3 điểm trong tháng 2, so với 53,7 của tháng 1, cho thấy tăng trưởng đã tăng tháng thứ tư liên tiếp. Các điều kiện kinh doanh đã cải thiện trong suốt năm tháng qua sau khi bị gián đoạn do làn sóng của đại dịch Covid-19 trong năm 2021. Động lực tăng trưởng tổng thể đã cải thiện nhờ nhu cầu khách hàng đã mạnh lên. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh và tốc độ tăng đã nhanh hơn thành mức cao của mười tháng. Nhu cầu quốc tế cũng cải thiện trong tháng 2 khiến hoạt động xuất khẩu tiếp tục tăng đáng kể. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng và điều kiện kinh doanh ổn định đã góp phần làm sản lượng sản xuất tăng tháng thứ năm liên tiếp. Giống như số lượng đơn đặt hàng mới, tốc độ tăng sản lượng cũng là mức đáng kể nhất kể từ tháng 4 năm 2021. Tuy nhiên, những khó khăn về nguồn cung tiếp tục cản trở tăng trưởng sản lượng. Mặc dù trong tháng 2 các nhà sản xuất đã tăng việc làm tháng thứ ba liên tiếp, tốc độ tăng việc làm vẫn là khiêm tốn khi các báo cáo vẫn cho biết công nhân còn chưa trở lại làm việc do đại dịch. Thời gian giao hàng của nhà cung cấp tiếp tục kéo dài do khan hiếm nguyên vật liệu và thiếu nhân viên, cộng với những khó khăn của khâu vận chuyển quốc tế. Những hạn chế này, cùng với mức tăng đáng kể của số lượng đơn đặt hàng mới, đã khiến lượng công việc tồn đọng tăng trong tháng 2 sau khi nhìn chung không thay đổi trong tháng 1. Các nhà sản xuất cho biết giá cả đầu vào tiếp tục tăng mạnh trong tháng, phản ánh chi phí nguyên vật liệu tăng khi các nhà cung cấp tăng giá. Giá dầu tăng mạnh là một trong những nguyên nhân được nhắc đến. Việc chuyển gánh nặng chi phí tăng sang cho khách hàng đã khiến giá bán hàng tiếp tục tăng, và đây là lần tăng thứ 18 trong 18 tháng. Tốc độ tăng đã nhanh hơn so với tháng 1. Hoạt động mua hàng hóa đầu vào đã tăng mạnh trong tháng 2 khi các công ty cố gắng nhập hàng để hỗ trợ tăng sản lượng. Do đó, tồn kho hàng mua đã tăng nhanh nhất trong mười tháng, và trở thành mức tăng lớn nhất từng được ghi nhận.

BAF: lên kế hoạch lãi 2022 tăng 25%

Theo tài liệu đại hội thường niên, Nông nghiệp BaF Việt Nam (HoSE: BAF) lên kế hoạch kinh doanh năm nay với doanh thu thuần 5.950 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 402 tỷ đồng, lần lượt giảm 43% và tăng 25% so với thực hiện năm ngoái. Trong mảng chăn nuôi, doanh nghiệp dự kiến bán ra thị trường 14.717 con heo giống bố mẹ; 193.498 con heo thịt và 50.916 heo cai sữa. Doanh thu dự kiến đạt 1.272 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 294 tỷ đồng, chiếm 73% trên tổng lợi nhuận sau thuế của BaF. Đối với mảng sản xuất thức ăn chăn nuôi, dự kiến đầu năm nay, nhà máy cám BaF Tây Ninh với công suất 200.000 tấn/năm chính thức đi vào hoạt động, kết hợp với nhà máy cám Phú Mỹ công suất hiện tại 60.000 tấn/năm sẽ cung ứng đủ lượng cám cho các trang trại nội bộ của BaF. Doanh thu thuần của mảng này dự kiến đạt 678 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 45 tỷ đồng, chiếm 11% lợi nhuận sau thuế toàn công ty. Doanh thu mảng kinh doanh nông sản giảm 59% so với năm trước xuống còn 4.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ước đạt 64 tỷ đồng, chiếm khoảng 16% tổng lợi nhuận của công ty.

LAS: Phiên đấu giá cổ phiếu LAS thuộc sở hữu Vinachem tiếp tục bị hủy bỏ

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo đến hết thời hạn đăng ký và đặt cọc (15h30 ngày 25/2) không có nhà đầu tư nào đăng ký tham gia mua cổ phiếu LAS thuộc sở hữu Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem) chào bán cạnh tranh cổ phần. Theo quy định, cuộc đấu giá không đủ điều kiện để tổ chức. Theo thông báo trước đó, Vinachem đăng ký bán cạnh tranh hơn 21,2 triệu cổ phiếu LAS của Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS), phiên đấu giá dự kiến tổ chức ngày 4/3 tại HNX. Giá khởi điểm 27.100 đồng/cp, tập đoàn dự thu tối thiểu 575 tỷ đồng. Tập đoàn Hóa chất hiện sở hữu 78,79 triệu cổ phiếu LAS, tương đương 69,82% vốn điều lệ. Nếu bán thành công 21,2 triệu cổ phiếu, tương đương 18,82% vốn, Vinachem sẽ giảm nắm giữ xuống 51%. Như vậy, đây là lần thứ 2 trong 3 tháng qua, Vinachem thất bại khi rao bán cổ phiếu LAS. Vào cuối năm trước, Vinachem cũng thông báo tổ chức đấu giá cùng khối lượng 21,23 triệu cổ phiếu LAS, giá 27.100 đồng/cp. Song phiên đấu giá không thể diễn ra do hết thời hạn đăng ký và đặt cọc không có nhà đầu tư đăng ký tham gia mua cổ phần.

IJC: dự kiến mua 1,7 triệu cổ phiếu TTN với giá 10.000 đồng/cp

HDQT Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex IJC, HoSE: IJC) thông qua phương án mua 1,7 triệu cổ phiếu Công nghệ và Truyền thông Việt Nam (UPCoM: TTN), tương đương tỷ lệ 4,63%. Trước đó, Becamex IJC chưa sở hữu cổ phần Công nghệ và Truyền thông Việt Nam. Với giá bán 10.000 đồng/cp, số tiền đầu tư tương đương 17 tỷ đồng. Thời gian đăng ký và nộp tiền mua từ ngày 25/2 đến 7/3. Lượng cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 1 năm. Cuối năm ngoái, TTN phát hành hơn 12,2 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 với giá 10.000 đồng/cp nhằm góp vốn thành lập công ty con và bổ sung vốn lưu động. Trên thị trường, giá cổ phiếu này dao động quanh 23.500 đồng/cp. Theo kết quả chào bán, gần 2,8 triệu cổ phiếu chưa phân phối hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua và cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn. Công ty phân phối lượng cổ phần này cho 57 nhà đầu tư, trong đó một tổ chức duy nhất là Becamex IJC được phân bổ 1,7 triệu đơn vị.

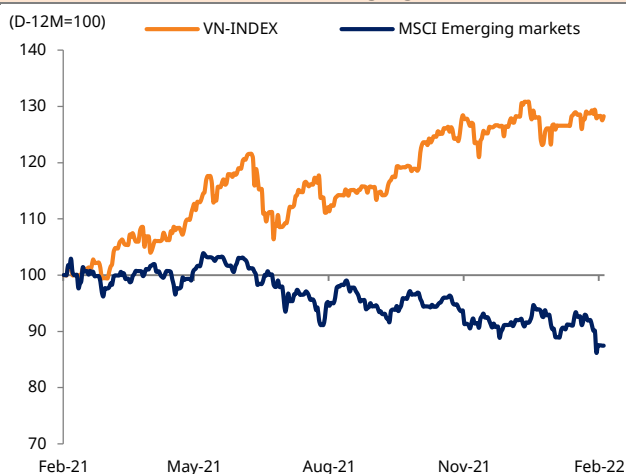
KDH: dự kiến góp thêm gần 350 tỷ đồng vào công ty con

Nhà Khang Điền (HoSE: KDH) công bố Nghị quyết HDQT thông qua kế việc góp thêm gần 350 tỷ đồng vào công ty con Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Gia Phước để nâng vốn điều lệ lên 599,4 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2021, Nhà Khang Điền đang sở hữu 99,9% vốn điều lệ tại Gia Phước. Đơn vị này có trụ sở tại TP HCM và hoạt động chính trong lĩnh vực tư vấn, xây dựng và kinh doanh bất động sản. Gia Phước là chủ đầu tư dự án Rosita Garden gồm 118 căn nhà liên kế vườn tọa lạc tại quận 9, TP HCM với diện tích 3,1 ha. Công ty đã hoàn tất và bàn giao số lượng lớn giấy chứng nhận và đang đẩy nhanh thủ tục cấp giấy chứng nhận cho các trường hợp còn lại để sớm bàn giao cho khách hàng.

SVD: chốt quyền chào bán cổ phiếu tỷ lệ 1:1

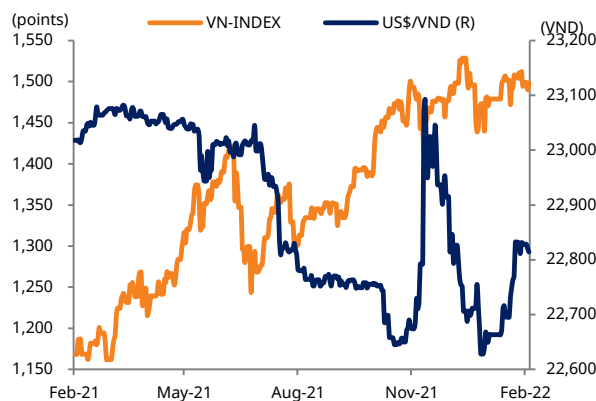
Công ty Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HoSE: SVD) công bố ngày 2/3 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu tỷ lệ 1:1. Doanh nghiệp dự kiến phát hành 12,9 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cp. Cổ đông được chuyển nhượng quyền mua 1 lần trong khoảng thời gian từ 8/3 đến 23/3. Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền từ 8/3 đến 28/3. Sợi Vũ Đăng muốn huy động 129 tỷ đồng để trả nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – VietinBank (72 tỷ đồng), đầu tư mua sắm máy móc (14,5 tỷ đồng) và bổ sung vốn lưu động (42,5 tỷ đồng). Vốn điều lệ dự kiến tăng từ 129 tỷ lên 258 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



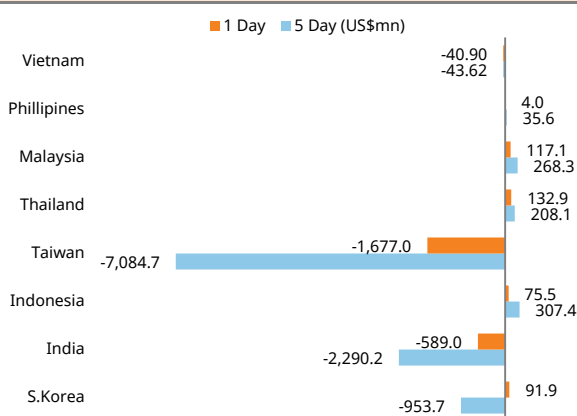
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



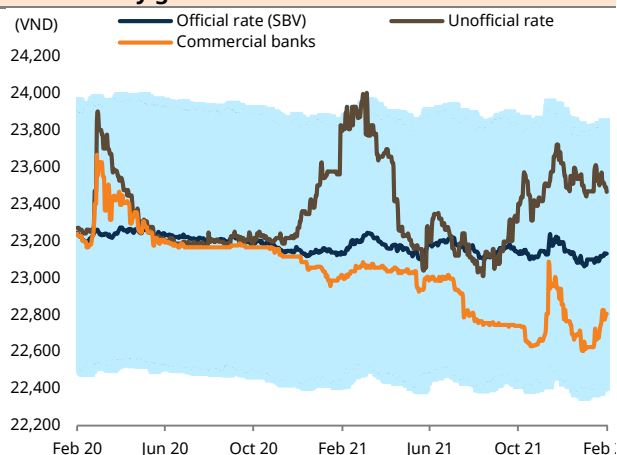
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



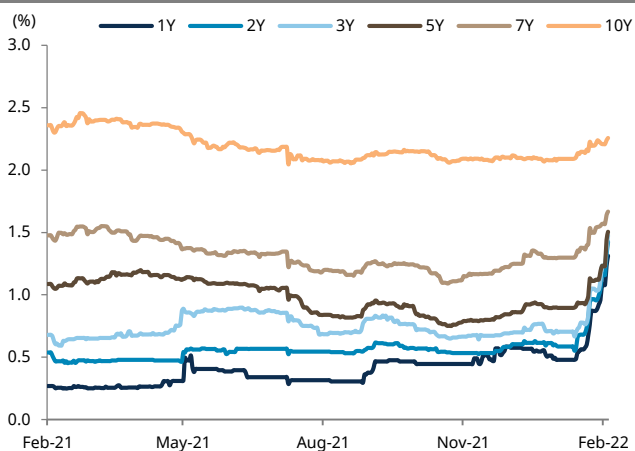
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



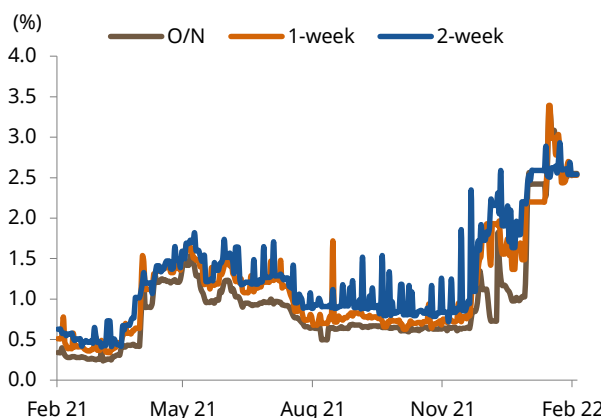
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,520.12	3,983,363		0.2	-0.8	-0.8	27.5	14.6	12.3	2.6	2.2	35.0	18.5	23.0	20.0
Asia Commercial Bank	ACB VN	33,850	91,461	30.0	-0.1	-2.4	-2.0	27.3	9.5	7.3	2.0	1.6	26.5	30.7	23.9	24.5
BIDV	BID VN	44,100	223,081	16.9	0.9	-4.1	-8.0	25.8	21.1	14.6	2.7	2.4	81.7	44.3	13.2	15.7
Bao Viet Holdings	BVH VN	59,800	44,391	26.5	1.2	6.2	9.9	-3.2	23.6	22.4	2.1	#N/A	20.9	5.2	9.1	9.2
VietinBank	CTG VN	33,300	160,031	26.0	0.5	-3.8	-9.8	12.8	11.4	8.7	1.7	1.4	2.9	29.9	15.9	18.3
FPT Corp	FPT VN	93,400	84,765	49.0	0.1	0.5	4.4	37.9	21.5	16.8	4.7	3.6	21.4	28.2	23.4	27.4
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	117,700	225,272	3.0	-0.3	1.0	8.0	28.1	27.0	19.0	4.4	4.1	8.1	42.2	17.4	21.9
Vietnam Rubber Group	GVR VN	35,700	142,800	0.5	4.5	4.2	14.4	21.0	33.6	#N/A	3.0	#N/A	12.8	#N/A	8.9	#N/A
HDBank	HDB VN	28,550	57,449	17.0	-0.9	-3.4	-7.6	38.3	9.4	7.9	2.0	#N/A	42.5	18.3	23.3	21.8
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	46,900	209,780	23.2	-0.6	1.1	11.1	37.0	6.1	6.7	2.3	1.7	170.6	-8.6	46.1	29.4
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	54,100	34,783	33.1	2.3	0.4	8.2	83.1	30.2	22.9	3.4	3.2	-4.4	32.1	12.2	15.5
MBBank	MBB VN	34,000	128,463	23.2	-1.2	-1.2	0.9	61.9	10.1	9.3	2.2	1.6	53.0	8.9	23.6	22.2
Masan Group Corp	MSN VN	156,500	184,754	28.8	0.3	-0.6	9.4	71.4	21.5	32.9	5.6	5.7	589.7	-34.6	35.1	18.5
Mobile World Investment Corp	MWG VN	136,000	96,945	49.0	0.0	-1.2	2.6	51.3	21.9	15.1	4.8	4.1	7.7	44.9	27.3	29.1
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	75,400	145,554	7.1	0.1	-3.5	-5.6	68.2	41.4	34.4	4.2	4.3	-18.5	20.3	10.6	14.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	84,500	41,639	2.8	-0.6	-5.9	-6.9	61.5	23.1	#N/A	5.9	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	61,300	77,887	17.1	-1.6	-1.1	9.3	3.9	27.0	20.0	3.1	2.9	230.7	35.3	12.3	14.9
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	105,000	23,873	48.3	1.9	-4.5	1.0	24.0	23.1	17.7	4.0	3.4	5.5	30.9	18.3	21.5
PetroVietnam Power Corp	POW VN	17,450	40,866	2.5	0.6	-2.0	3.9	33.7	23.0	23.8	1.4	1.4	-23.9	-3.6	6.1	5.6
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	168,000	107,735	62.7	-1.1	-0.2	13.0	-10.5	30.1	24.8	5.1	4.6	-21.7	21.4	17.9	19.6
SSI Securities Corp	SSI VN	46,000	45,667	39.0	0.7	2.2	2.1	99.0	16.5	22.0	3.2	#N/A	114.9	-24.7	22.5	13.7
Sacombank	STB VN	32,650	61,552	19.0	-0.6	-3.1	-8.2	70.9	17.6	11.6	1.8	1.6	48.8	51.1	10.8	14.2
Techcombank	TCB VN	50,300	176,599	22.5	-0.2	-2.1	-4.7	25.1	9.8	8.4	1.9	1.6	46.3	16.7	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	42,800	67,699	29.8	1.3	3.1	2.0	106.4	13.0	9.5	2.6	2.1	30.7	36.4	22.6	22.5
Vietcombank	VCB VN	85,000	402,264	23.7	0.6	-2.1	-4.5	9.3	14.4	16.2	3.6	2.9	68.6	-11.2	21.4	20.7
Vinhomes JSC	VHM VN	78,000	339,641	23.9	0.6	-1.6	-2.9	-1.6	8.6	9.5	2.6	2.2	41.6	-9.1	36.4	25.1
Vingroup JSC	VIC VN	79,200	302,064	13.0	2.9	-3.4	-18.4	-17.9	NA	275.0	3.0	3.1	-154.2	-135.3	-3.1	1.2
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	140,900	76,313	16.7	0.6	-1.3	15.6	3.5	474.4	41.2	#N/A	#N/A	126.7	1,051.9	1.0	10.1
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	79,200	165,524	54.3	1.0	-1.0	-4.7	-25.0	17.5	16.1	5.0	4.7	-5.3	9.2	29.3	31.3
VPBank	VPB VN	37,750	167,817	15.2	-0.7	6.2	3.0	66.5	14.2	11.4	2.1	1.7	12.4	24.0	18.0	15.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	33,500	76,123	30.0	0.0	-2.9	-4.1	-2.2	57.9	26.2	2.5	2.3	-44.8	121.4	4.4	9.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	8.65	5,891,082	0.6	-0.3	1.3	26.4	17.5	14.1	2.7	2.4	33.9	23.9	19.9	19.7
Ô tô và phụ tùng	0.01	9,345	0.0	0.4	1.6	31.6	20.5	9.9	2.0	1.9	4.7	64.7	13.0	18.9
Ngân hàng	0.88	1,873,175	-5.0	-5.0	1.3	44.7	13.4	13.2	2.4	2.0	46.0	11.5	19.5	19.5
Xây dựng cơ bản	1.40	335,117	-0.4	0.0	-8.4	105.8	75.2	22.7	3.0	2.0	10.9	58.2	13.7	16.3
May mặc và trang sức	0.13	53,881	-0.2	1.0	5.1	50.5	60.6	16.0	3.7	3.4	10.8	55.6	17.6	23.9
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	10,262	1.1	0.5	6.3	14.7	261.1	76.1	1.7	#N/A	473.7	80.4	-0.5	8.6
Dịch vụ tài chính	0.27	180,423	-3.9	-3.5	-7.4	150.4	15.1	21.3	3.3	#N/A	172.2	-49.1	25.8	16.3
Năng lượng	-0.33	105,742	1.4	1.9	7.2	21.6	106.8	21.6	2.4	2.8	169.1	35.4	10.6	13.9
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.73	594,945	1.0	2.0	1.6	22.7	23.9	23.7	4.8	5.0	42.6	-0.4	25.0	23.6
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.02	4,312	-1.8	-2.5	-14.2	77.2	18.6	12.9	2.2	2.1	-1.9	146.4	7.6	18.3
Bảo hiểm	0.22	58,514	-1.6	-2.7	-0.5	8.1	20.1	20.8	1.9	1.9	30.0	5.8	10.2	9.9
Nguyên vật liệu	1.53	552,746	-1.8	-0.6	-1.1	65.1	26.8	13.8	2.6	1.7	130.9	-12.7	29.4	21.5
Dược phẩm	0.02	33,956	-1.3	-1.4	-1.8	15.9	20.0	17.7	3.1	3.5	9.2	38.0	16.8	19.7
Bất động sản	3.49	1,253,624	-1.0	-3.3	-7.4	27.4	38.2	28.2	3.4	2.8	6.3	36.9	14.4	16.4
Bán lẻ	-0.01	115,211	-2.2	-3.0	0.3	67.9	21.5	16.3	4.6	4.3	16.1	41.1	26.6	27.4
Phần mềm và dịch vụ	0.02	91,947	-0.7	0.3	0.3	44.1	21.6	16.4	4.5	3.6	21.2	35.0	22.2	26.6
Thiết bị và phần cứng	0.09	11,227	0.3	0.3	-10.3	159.8	16.7	12.5	6.2	4.1	139.2	21.5	44.7	36.5
Vận tải	0.29	218,467	2.3	1.6	9.8	34.1	21.2	147.5	2.8	2.1	1,025.4	-71.4	-16.1	80.8
Tiện ích	-0.02	380,062	2.2	3.2	6.1	35.5	21.1	19.1	3.0	3.5	14.0	45.5	14.9	18.9

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	79,200	2.9	3,467,600	2.1
GVR VN	35,700	4.5	4,755,600	1.6
DIG VN	92,000	7.0	7,356,500	0.8
SSB VN	36,900	4.2	2,363,400	0.6
VCB VN	85,000	0.6	1,295,400	0.6
VHM VN	78,000	0.6	2,459,200	0.6
BID VN	44,100	0.9	2,395,600	0.5
VNM VN	79,200	1.0	1,273,100	0.4
NLG VN	56,500	4.2	10,507,300	0.2
TPB VN	42,800	1.3	11,884,800	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BCM VN	76,900	-2.7	641,300	-0.6
MBB VN	34,000	-1.2	16,319,400	-0.4
HPG VN	46,900	-0.6	23,374,000	-0.3
PLX VN	61,300	-1.6	3,577,800	-0.3
SAB VN	168,000	-1.1	42,900	-0.3
VPB VN	37,750	-0.7	16,869,400	-0.3
GAS VN	117,700	-0.3	1,037,700	-0.1
HDB VN	28,550	-0.9	6,802,600	-0.1
LPB VN	22,250	-1.8	13,003,000	-0.1
SHB VN	21,500	-0.7	9,618,000	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.